**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI 57: BẢNG CHIA 2 (TIẾT 2)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 22 | *Ngày soạn: …………………………………………..* |
| Số tiết: 2 | *Ngày dạy: ……………………………………………* |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

2. Năng lực:

2.1 Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

2.2 Năng lực đặc thù:

- Tư duy và lập luận toán học: Thành lập được bảng chia 2.

- Giao tiếp toán học: Trình bày, trao đổi được các vấn đề trong bài.

- Giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng bảng chia 2, tính nhẩm và thực hiện các bài toán có liên quan.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- SGK, bộ thiết bị dạy toán, quả bóng, thẻ trò chơi hái quả, hoa Đ, S.

**2. Học sinh:**

- SGK, vở bài tập, bộ thiết bị học toán, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Khởi động:****\* Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.**\* Phương pháp**: Trò chơi.**\* Hình thức:** cả lớp **\* Cách tiến hành:**- Giáo viên cho cả lớp chơi trò chơi “Hái quả”- GV nêu yêu cầu hát, chuyền bóng, hái quả, trả lời kết quả các phép chia 2 có trong quả.- GV nhận xét, tuyên dương.→ Giới thiệu bài học mới: Bảng chia 2 (tiết 2) | - HS nghe yêu cầu thực hiện.- Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi, nêu từng kết quả trong bảng chia 2- Học sinh nhận xét***.*** |
| **25’** | **2. Bài mới:****Hoạt động: Luyện tập** **\*** **Mục tiêu:** Giúp học sinh Vận dụng bảng chia 2 vào tính nhẩm và thực hiện các bài toán có liên quan.**\* Phương pháp:** Đàm thoại, trực quan, vấn đáp **\* Hình thức:** thảo luận nhóm. **\* Cách tiến hành:****Bài 1. Tính nhẩm**- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập- Bài tập yêu cầu làm gì- GV cho HS chơi trò chơi “Lật ô số”- GV nhận xét.**Bài 2. Số?**- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.- GV cho HS chơi trò chơi “Thỏ tìm cà rốt”- GV hướng dẫn HS thực hiện.- Cà rốt là các dấu chấm hỏi.? : 2 = 7 ? : 2 = 5 ? : 2 = 4 ? : 2 = 9? : 2 = 8 ? : 2 = 10 ? : 2 = 6 ? : 2 = 3- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 3:- Gọi HS đọc yêu cầu.a) Chia đều số kẹo trong lọ (hũ) cho 2 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy cái kẹo?b) Lấy hết số kẹo trong lọ chia cho mỗi bạn 2 cái. Có mấy bạn được chia?- GV sửa bài, kết luận. | - 1 HS đọc yêu cầu- Tính nhẩm- Mỗi HS sẽ lật 1 ô số có 1 phép tính chia 2 và trả lời kết quả2 : 2 4 : 2 6 : 2 8 : 2 10 : 212 : 2 14 : 2 16 : 2 18 : 2 20 : 2- Học sinh tham gia trò chơi, trả lời.- HS đọc yêu cầu bài tập.- HS thi đua tiếp sức theo dãy- Đại diện các dãy nhận xét.- HS đọc yêu cầu đề SHS tr 24.- Thảo luận nhóm 4 tìm kết quả- Làm phiếu học tập cá nhân.hình toán tr 24.1hình toán tr 24.2- HS đổi phiếu kiểm chéo. |
| **5’** | **3. Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh thuộc bảng chia 2, biết vận dụng giải toán.**\* Phương pháp:** trò chơi \* **Hình thức** Cá nhân- Giáo viên cho HS chơi trò chơi **Lật ô số**Trong mỗi ô số có các phép tính chia trong bảng chia 2. HS lật thẻ mở được và trả lời kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơiVí dụ: 14 : 2 = 712 : 2 = 6 10 : 2 = 5 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI 58: BẢNG CHIA 5 (TIẾT 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 22 | *Ngày soạn: …………………………………………..* |
| Số tiết: 2 | *Ngày dạy: ……………………………………………* |

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**
2. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

1. Năng lực:

\* Năng lực đặc thù:

- Tư duy và lập luận toán học: Thành lập được bảng chia 5.

- Giao tiếp toán học: Trình bày, trao đổi được các vấn đề trong bài.

- Giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng bảng chia 5, tính nhẩm.

\* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- SGK; bộ thiết bị dạy toán; máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh:**

- SGK, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4’**  | **1. Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp:**Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp**\* Cách tiến hành:**- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: Truyền điện- Cho HS thay nhau đố các phép nhân trong bảng nhân 5- GV treo bảng nhân 5 lên một góc bảng lớp- Cho HS đọc lại toàn bộ bảng nhân 5- Nhận xét, tuyên dương.→ Giới thiệu bài học mới: Bảng chia 5 (T1) | - HS tham gia chơi. - HS đọc lại bảng chia 5- Nhắc tựa bài |
| **12’** | **2. Bài mới:****Hoạt động 1: Thành lập bảng chia 5** **\* Mục tiêu:** HS biết được bảng chia 5, lập bảng chia 5 **\* Phương pháp:** Trực quan, đàm thoại, thực hành, thảo luận **\*Hình thức:** Cá nhân, nhóm.**\* Cách tiến hành:****a) Nhu cầu thành lập bảng chia 5**- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán:+ Có 20 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 5 cái. Hỏi có mấy bạn được chia?+ Có mấy cái kẹo?+ Mỗi bạn được mấy cái?- Cho HS thao tác chia trên các khối lập phương+ Có mấy bạn được chia?+ Bạn nào nêu phép tính thích hợp để tìm số bạn được chia?+ Các em dựa vào bảng nhân 5 để tìm kết quả 20 : 5- GV chiếu phép tính 20 : 5 = 4 và yêu cầu HS đọc- Từ phép nhân 5 là 5 x 4 = 20 ta có phép chia 5 như thế nào?**b) Thành lập bảng chia 5** - GV gắn lên bảng lớp bảng chia 5 chưa hoàn thành- Yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn tìm kết quả phép chia trong bảng- Các nhóm trình bày kết quả- GV nhận xét- Cho HS nối tiếp đọc lại bảng chia - Nhận xét: Ta gọi bảng trên là bảng chia 5 | - Có 20 cái kẹo- Mỗi bạn được 5 cái- HS thảo luận nhóm bốn thực hiện thao tác chia các khối lập phương cho các bạn trong nhóm+ Có 4 bạn được chia+ 20 : 5+ 5 x 4 = 20 20 : 5 = 4- HS đọc phép tính- Ta có phép chia 5 là 20 : 5 = 4- Học sinh quan sát, làm theo.- Theo dõi- Thảo luận tìm kết quả- Một vài nhóm trình bày kết quả và cách làm, các nhóm khác nhận xét- Lắng nghe- HS nối tiếp đọc lại bảng chia- Cả lớp đọc lại các phép tính chia trong bảng |
| **5’** | **Hoạt động 2: Học thuộc bảng chia 5****\* Mục tiêu:** HS nhớ được bảng chia 5**\* Cách tiến hành:**- Yêu cầu HS nêu đặc điểm của bảng chia 5:+ Các số bị chia trong bảng chia 5 lần lượt cách nhau bao nhiêu đơn vị?+ Các số chia trong bảng chia 5 đều là số nào?+ Thương trong bảng chia 5 theo thứ tự từ mấy đến mấy?- Cho cả lớp đọc các phép tính trong bảng chia 5- Cho HS đọc thuộc bảng chia 5- Yêu cầu HS thi đọc | + Số bị chia lần lượt cách nhau 5 đơn vị+ Đều là số 5+ Thương theo thứ tự từ 1 đến 10- HS đọc- Vài HS thi đọc |
| **10’** | **Hoạt động 3: Thực hành** **\* Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức vừa học đọc phép nhân, phép chia, tìm các thương trong bảng chia 5**\* Phương pháp:** Trực quan, thực hành **\* Hình thức**: nhóm hai**\* Cách tiến hành:****Bài 1.** - GV cho HS thực hiện nhóm hai: một bạn đọc một vài phép nhân trong bảng nhân 5, bạn còn lại đọc phép chia 5 tương ứng rồi đổi vai trò.- Cho HS thực hành trước lớp**Bài 2.**- GV cho HS thực hiện nhóm 2 đố nhau các phép chia trong bảng chia 5. Nếu thuộc bảng, nói ngay kết quả. Nếu quên, dựa vào phép nhân tương ứng.- Cho HS thực hành trước lớp- GV nhận xét | - HS thực hiện- Vài nhóm thực hiện- HS thực hiện- HS thực hiện |
| **4’** | **3. Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* Trò chơi.- Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng - GV nhận xét, tuyên dương. | **-** Học sinh thi đua 2 đội tiếp sức tìm kết quả |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI: BẢNG CHIA 5 (TIẾT 2)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 22 | *Ngày soạn: …………………………………………..* |
| Số tiết: 2 | *Ngày dạy: ……………………………………………* |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực:**

2.1 Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

2.2 Năng lực đặc thù:

- Tư duy và lập luận toán học: Thành lập được bảng chia 5.

- Giao tiếp toán học: Trình bày, trao đổi được các vấn đề trong bài.

- Giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng bảng chia 5, tính nhẩm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- SGK, bộ thiết bị dạy toán, máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh:**

- SGK, vở bài tập, bộ thiết bị học toán, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Khởi động:****\* Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp**: Trò chơi.**\* Hình thức:** cả lớp **\* Cách tiến hành:**- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm nhanh kết quả phép tính chia trong bảng chia 5→ Giới thiệu bài học mới: Bảng chia 5 (T2) | - HS thực hiện |
| **25’** | **2. Bài mới:****Hoạt động: Luyện tập** **\*** **Mục tiêu:** Luyện tập tính nhẩm, tìm số**\* Phương pháp:** Thực hành, đàm thoại, trò chơi, thảo luận**\* Hình thức:** Cá nhân, nhóm. **\* Cách tiến hành:****Bài 1. Tính nhẩm**- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập- Bài tập yêu cầu làm gì- Em nhẩm bằng cách nào?- Yêu cầu HS tự làm bài- Cho HS trình bày kết quả- Nhận xét, chốt bài tập**Bài 2. Số?**- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập- Bài tập yêu cầu làm gì?- Em làm bằng cách nào?- Yêu cầu HS tự làm bài- Cho HS trình bày kết quả- Nhận xét, chốt bài tập**Bài 3. Tìm số**- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập- Xác định yêu cầu- Câu a) có các phép tính nào? Có các con vật nào?- Câu b) có các phép tính nào? Có các con vật nào?- Để tìm các số ở mỗi con vật em làm bằng cách nào?- GV hướng dẫn: ở mỗi câu các con vật giống nhau thể hiện cùng một số.- Cho HS thực hiện từng câu vào bảng con.- Nêu kết quả và cách làm.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt bài tập. | - 1 HS đọc yêu cầu- Tính nhẩm- Dựa vào bảng chia hoặc phép nhân tương ứng- HS làm bài bảng con- HS trình bày, nêu cách làm- 1 HS đọc- Tìm số điền vào chỗ chấm- Dựa vào bảng chia hoặc phép nhân tương ứng- HS thực hiện vào bảng con, giải thích cách làm.- 1 HS đọc- Tìm các số ở mỗi hình ảnh- Phép chia, phép nhân; con mèo, vịt, gà- Phép cộng, phép chia; con cú mèo, công, ong- Dựa vào bảng nhân và bảng chia- Học sinh làm bài và sửa bài. |
| **5’** | **3. Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại bảng chia 5**\* Phương pháp:** Trò chơi, đàm thoại \* **Hình thức** Cá nhân- Giáo viên tổ chức trò chơi “Đố bạn”- GV yêu cầu mỗi HS sẽ đố bạn mình về các phép chia trong bảng chia 5. Có thể đố xuôi hoặc đố ngược. (15:5=?, 3=?:5). Bạn được đố nêu kết quả và đố tiếp bạn khác .- GV nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI 59: GIỜ, PHÚT, XEM ĐỒNG HỒ (TIẾT 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 22 | *Ngày soạn: ………………………………….* |
| Số tiết: 3 | *Ngày dạy: ……………………………………* |

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**
2. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

1. Năng lực:

\* Năng lực đặc thù:

* Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.
* Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.

\* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Mô hình đồng hồ 2 kim và đồng hồ điện tử.

**2. Học sinh:**

- Mô hình đồng hồ 2 kim.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | **1. Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp***:* Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp**\* Cách thực hiện:**- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: **Gió thổi**- GV nêu: Gió thổi, gió thổi!- Thổi các câu trả lời cho các câu hỏi sau:(khi HS trả lời, GV viết lên một góc bảng lớp).+ Buổi sáng được tính từ mấy giờ đến mấy giờ?- Tiến hành tương tự buổi trưa, chiều, tối, đêm.- Nhận xét, tuyên dương.→ Giới thiệu bài học mới: Giờ, phút, xem đồng hồ. | - HS Trả lời: Thổi gì, thổi gì?- Hỏi gì? Hỏi gì?+ Từ 1 giờ sáng đến 10 giờ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Buổi sáng** | 1 giờ sáng - > 10 giờ sáng |
| **Buổi trưa** | 11 giờ trưa —► 12 giờ trưa |
| **Buổi chiều** | 1 giờ chiều—► 6 giờ chiều (13 giờ) (18 giờ) |
| **Buổi tối** | 7 giờ tối —► 9 giờ tối (19 giờ) (21 giờ) |
| **Buổi đêm** | 10 giờ đêm —► 12 giờ đêm (22 giờ) (24 giờ) |

 |
| **15’** | **2. Bài mới:****Hoạt động 1: Giới thiệu đơn vị phút - cách xem giờ (kim phút chỉ số 3, số 6).****\*Mục tiêu:** - Biết 1 giờ có 60 phút.- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.- Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút. **\* Phương pháp:** Trực quan, đàm thoại, thực hành, thảo luận **\* Hình thức:** Cá nhân, nhóm.***a) Giới thiệu đơn vị phút.***- Em đã được học đơn vị đo thời gian nào?-Ví dụ: Bây giờ là 7 giờ, từ lúc 6 giờ đến bây giờ chúng ta đã làm những việc gì?\* GV giới thiệu:- Từ 6 giờ đến 7 giờ là 1 giờ, giờ là một đơn vị đo thời gian.- Hôm nay chúng ta học thêm một đơn vị đo thời gian khác, đó là đơn vị phút.- Ở nhà các em có nghe được ai nói 1 giờ bằng bao nhiêu phút không?- Giáo viên sử dụng mô hình đồng hồ, quay kim đồng hồ đến vị trí 8 giờ và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ?- Tiếp tục quay kim đồng hồ đến 9 giờ và hỏi. Đồng hồ chỉ mấy giờ?- Chỉ trên mặt đồng hồ và nói: Trên mặt đồng hồ khi kim phút quay được 1 vòng là được 60 phút.- Giáo viên viết:  **1giờ = 60 phút; 60 phút = 1 giờ** - GV cho HS cảm nhận độ lớn của 1 phút.***b) Giới thiệu cách xem giờ (kim phút chỉ số 3, số 6).***- GV sử dụng mô hình đồng hồ 2 kim.- GV giới thiệu: Khi kim phút đi chuyển từ một số sang số kế tiếp, khoảng thời gian tương ứng là 5 phút. GV và HS xoay kim để đồng hồ chỉ 7 giờ.- Tiếp tục xoay kim phút di chuyển từ số 12 đến số l,2,..., 12- Đồng hồ chỉ mấy giờ? - GV yêu cầu HS xoay kim phút chỉ số 3. - Đồng hồ đang chỉ mấy giờ mấy phút?.- GV viết lên bảng: 8 giờ 15 phút.- GV yêu cầu HS xoay kim phút chỉ số 6. - Đồng hồ chỉ mấy giờ? - GV nêu: Đồng hồ đang chỉ 8 giờ 30 phút hay 8 giờ rưỡi”.- GV viết lên bảng: 8 giờ 30 phút hay 8 giờ rưỡi.- Cho HS tiếp tục xoay kim đồng hồ?- Đồng hồ chỉ mấy giờ? - GV viết lên bảng: 9 giờ.=> GV kết luận: *Khi xem giờ trên đồng hồ, nếu thấy kim phút chỉ vào số* 3*, em đọc là 15 phút; nếu kim phút chỉ vào số 6, em đọc là 30 phút (hoặc giờ rưỡi).* | **-** Giờ- 6 giờ chúng em đến trường.- Lao động vệ sinh- Xếp hàng vào lớp.- Học sinh trao đổi nhóm 2 → trả lời- Quan sát trả lời câu hỏi: Đồng hồ chỉ 8 giờ.- Đồng hồ chỉ 9 giờ.- Học sinh lắng nghe ghi nhớ- 3 HS nhắc lại cá nhân.- Cả lớp đồng thanh.- HS đếm theo GV từ 1 tới 60 (mỗi nhịp đếm khoảng 1 giây)- HS thao tác trên bộ đồ dùng học tập sử dụng mô hình đồng hồ 2 kim. - HS nghe ghi nhớ.- HS đọc theo GV xoay: 5,10, 15,... , 60.- Đồng hồ chỉ 8 giờ- HS xoay sao cho kim phút chỉ số 3.- Đồng hồ đang chỉ 8 giờ 15 phút”.- HS lặp lại nhiều lần “8 giờ 15 phút”.- HS tiếp tục xoay sao cho kim phút chỉ số 6.- Đồng hồ đang chỉ 8 giờ 30 phút.- HS lặp lại nhiều lần “8 giờ 30 phút hay 8 giờ rưỡi”.- HS tiếp tục xoay sao cho kim phút chỉ số 12.- “9 giờ”.- HS đọc.- HS lắng nghe. |
| **10’** | **Hoạt động 2: Thực hành.****\*Mục tiêu:** - HS vận dụng kiến thức vừa học vào xem đồng hồ và thực hành xoay kim đồng hồ.**\* Phương pháp:** Trực quan, thực hành.**\* Hình thức**: Cá nhân, thảo luận nhóm.**\*Cách tiến hành:****\* Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu.**-** Treo đồng hồ mẫu lên bảng.- Đồng hồ chỉ mấy giờ?- Cho HS quan sát đồng hồ SGK thảo luận nhóm 2. 1 HS chỉ bất kì 1 đồng hồ trong sách nêu câu hỏi, 1 HS nêu câu trả lời.- Giáo viên hướng dẫn học sinh trước hết quan sát kim giờ (để biết đồng hồ đang chỉ mấy giờ) sau đó quan sát kim phút để biết đồng hồ chỉ bao nhiêu phút (15 phút hay 30 phút) rồi trả lời câu hỏi theo yêu cầu.- Gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày- Các nhóm khác nhận xét bổ sung.- GV nhận xét, kết luận bài làm đúng.**\* Bài 2:** Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp.- Gọi HS đọc yêu cầu.- Cho HS HS xoay kim đồng hồ theo yêu cầu.- GV nhận xét. | - HS đọc yêu cầu.- Quan sát- Năm giờ rưỡi. Nhiều HS nêu câu trả lời.**-** HS thảo luận nhóm 2:+ HS chia sẻ, tương tác cùng bạn*\*Dự kiến ND chia sẻ:*+ HS1: Đồng hồ chỉ mấy giờ?+ HS2: Đồng hồ chỉ 10 giờ.- Các nhóm trình bày kết quả.- Nhận xét.- 1 HS đọc yêu cầu- 3 HS thực hiện xoay kim đồng hồ trước lớp.- Cả lớp theo dõi nhận xét. |
| **5’** | **3. Củng cố:****\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* Trò chơi.- Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: ***Ai nhanh hơn?***- Giáo viên chia lớp thành 2 đội, phát cho mỗi đội 1 mô hình đồng hồ và hướng dẫn cách chơi: Khi giáo viên hô một giờ nào đó, các em đang cầm mặt đồng hồ của các đội phải lập tức quay kim đồng hồ đến vị trí đó. Em nào quay xong cuối cùng hoặc quay sai sẽ bị loại. Sau mỗi lần quay, các đội lại cho bạn khác lên thay. Hết thời gian chơi, đội nào còn nhiều thành viên nhất là đội thắng cuộc.- Tổng kết trò chơi và tuyên dương nhóm thắng cuộc.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết học. | - Thi quay kim đồng hồ theo hiệu lệnh của giáo viên.- Học sinh thực hiện chơi. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI 59: GIỜ, PHÚT, XEM ĐỒNG HỒ (TIẾT 2)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 22 | *Ngày soạn: …………………………………………..* |
| Số tiết: 3 | *Ngày dạy: ……………………………………………* |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

1. Năng lực:

\* Năng lực đặc thù:

* Đọc được giờ trên đồng hồ điện tử với số phút là: 00, : 15, : 30.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.

\* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Mô hình đồng hồ 2 kim và đồng hồ điện tử.

**2. Học sinh:**

- Mô hình đồng hồ 2 kim.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | **1. Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp:**Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: ***Bạn ơi, tôi mấy giờ?*** + Nội dung chơi: Quay kim đồng hồ để học sinh xem đồng hồ.- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.→ Giới thiệu bài học mới: Giờ, phút, xem đồng hồ (tiết 2) | - Học sinh tham gia chơi nêu giờ trên đồng hồ. |
| **25’** | **2. Bài mới:****Hoạt động: Luyện tập****\*** **Mục tiêu:** Đọc được giờ trên đồng hồ điện tử với số phút là: 00, : 15, : 30.Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.**\* Phương pháp:** Thực hành, đàm thoại, trò chơi, thảo luận**\* Hình thức:** Thảo luận nhóm. **\* Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu.**-** Treo đồng hồ điện tử lên bảng.- GV giới thiệu một đồng hồ điện tử (loại để bàn hay treo tường), nếu không có thì viết giờ lên bảng để HS đọc: **2 : 15 🡪 2 giờ 15 phút sáng****11: 30 🡪11 giờ 30 phút trưa****23: 30 🡪11 giờ 30 phút đêm**- GV dán tranh cho HS quan sát tranh vẽ ngày chủ nhật của Mai tương ứng với các đồng hồ chỉ thời gian giới thiệu: Đây là các hoạt động của bạn Mai trong một ngày Chủ nhật, các hoạt động diễn ra theo thứ tự thời gian, từ hình 1 đến hình 9.- Cho HS thảo luận nhóm 4 nói theo tranh. - Gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả- Các nhóm khác nhận xét bổ sung.- GV nêu câu hỏi:+ Bạn Mai giúp ba mẹ làm việc nhà lúc mấy giờ? + Lúc 8 giờ 15 phút tối, bạn làm gì?- GV nhận xét kết luận bài làm đúng.**\* Bài 2:** Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp.- GV giúp HS ôn lại các buổi trong ngày, cách đọc giờ ở buổi chiều, tối, đêm.- Gọi HS trình bày trước lớp.- Nhận xét- Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm.- Vì sao em chọn Buổi sáng phù hợp với đồng hồ 5 giờ 30 phút?Mở rộng: Phân biệt mặt trời và bầu trời vào các buổi trong ngày.**\* Bài 3:** - Gọi HS đọc yêu cầu.- Cho HS tự làm bài.- Nhận xét sửa bài.- Khi sửa bài, giúp HS nói: Từ 3 giờ đến 4 giờ là 1 giờ, từ 7 giờ tới 7 giờ 15 phút là 15 phút.  | - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Quan sát.- Đọc cá nhân, đồng thanh- Lắng nghe- Thảo luận nhóm 4 thực hiện theo yêu cầu. Học sinh chia sẻ kết quả:+ Mai thức dậy lúc 7 giờ + Mai đánh răng lúc 7 giờ 15 phút.+ Mai tập thể dục lúc 7 giờ rưỡi+ Mai ăn sáng lúc 8 giờ ............................................- Trình bày kết quả.- Học sinh nhận xét.- Lắng nghe.**+** Bạn Mai giúp ba mẹ làm việc nhà lúc 9 giờ.+ Lúc 8 giờ 15 phút tối, bạn đọc sách.- HS nhóm bốn tìm hiểu bài, nhận biết.- Hàng trên là hình ảnh bầu trời vào các buổi sáng, trưa, chiều, đêm.- Hàng dưới là 4 đồng hồ điện tử, các số chỉ giờ vượt quá 12 thì tương ứng với những buổi nào?- HS thực hiện theo yêu cầu.+ Buổi sáng phù hợp với đồng hồ 5 giờ 30 phút.+ Buổi trưa phù hợp với đồng hồ 12 giờ. + Buổi chiều phù hợp với đồng hồ 17 giờ 15 phút (hay 5 giờ 15 phút chiều).+ Buổi sáng phù hợp với đồng hồ 5 giờ 30 phút.- HS trình bày trước lớp.- HS giải thích - HS đọc yêu cầu.- HS tự tìm hiểu và làm bài.- 2 HS lên bảng điền cả lớp làm bài vào vở.a) 3 giờ 🡪 4 giờb) 7 giờ 🡪 7 giờ 15 phút |
| **5’** | **3. Củng cố:****\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* Cá nhân.**\* Cách tiến hành:**- Điền vào chỗ chấm:  a. Mẹ em đi làm ca chiều bắt đầu từ 14 giờ hay ...............đến 22 giờ hay............. b. Hằng ngày em thường đi ngủ lúc 9 giờ rưỡi hay ........- GV nhận xét, tuyên dương.- Gv nhận xét tiết học. | - 2 HS nêu câu trả lời. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**BÀI 59: GIỜ, PHÚT, XEM ĐỒNG HỒ (TIẾT 3)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: 23 | *Ngày soạn: …………………………………………..* |
| Số tiết: 3 | *Ngày dạy: ……………………………………………* |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Biết quý trọng thời gian.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

2. Năng lực:

\* Năng lực đặc thù:

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6.

- Biết thời điểm, khoảng thời gian.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.

\* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Mô hình đồng hồ 2 kim và đồng hồ điện tử.

**2. Học sinh:**

- Mô hình đồng hồ 2 kim.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | \* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp***:* Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: ***Bạn ơi, tôi mấy giờ?*** + Nội dung chơi: Quay kim đồng hồ để học sinh xem đồng hồ.- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.→ Giới thiệu bài học mới: Giờ, phút, xem đồng hồ (tiết 3) | - Học sinh tham gia chơi nêu giờ trên đồng hồ. |
| **25’** | **2. Bài mới:****Hoạt động: Luyện tập****\*** **Mục tiêu:** - Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6.- Biết thời điểm, khoảng thời gian.- Nhận biết việc sử dụng thời gian trong đời sống hằng ngày. **\* Phương pháp:** Thực hành, đàm thoại, thảo luận.**\* Hình thức:** Thảo luận nhóm. **\* Bài 4:** - Gọi HS đọc yêu cầu.- Chia nhóm cho HS thảo luận.- Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.+ Khi sửa bài, GV giúp HS khi các nhóm trả lời sai.Ví dụ: a) Mỗi ngày em ngủ khoảng 9 phút.Chỉ tính giấc ngủ buổi đêm:- Em ngủ lúc mấy giờ? - Em thức dậy lúc mấy giờ? Xoay 1 ô hình đồng hồ hoặc dùng tia số để học. - 7 giờ 8 giờ 9 giờ 10 giờ 11 giờ 12 giờ 1 giờ 2 giờ 3giờ 4 giờ 5 giờ 6 giờ 7 giờ. - Cũng có thể giúp HS nhận biết khoảng thời gian 9 phút.- Từ lúc các em làm bài Luyện tập 3 đến bây giờ là khoảng 9 phút.- Có phải một ngày em chỉ ngủ 9 phút?\* Mở rộng: ích lợi của việc ngủ đủ thời gian.**\* Bài 5:** - Gọi HS đọc yêu cầu.- YC học sinh phải nhận biết được các thời điểm trong hoạt động “Đến trường học”. Các thời điểm diễn ra hoạt động đó: “7 giờ” và “7 giờ 15 phút”. So sánh các thời điểm nêu trên để trả lời câu hỏi của bài toán.- Các bạn đến trường đúng giờ, sớm hay muộn giờ?**\* GV giải thích:**+ Hẹn 7 giờ, có mặt lúc 7 giờ là đúng giờ.+ Hẹn 7 giờ, có mặt trước 7 giờ là sớm giờ.+ Hẹn 7 giờ, có mặt sau 7 giờ là trễ giờ.- Yêu cầu HS giải thích Vì sao em biết các bạn ở tranh 1 đến trường sớm giờ? Sớm bao nhiêu phút.- GV giúp HS nói về ích lợi của việc có mặt đúng giờ và nhắc nhở HS tạo thói quen có mặt đúng giờ.- Nhận xét sửa bài. | - HS đọc yêu cầu.- HS thảo luận nhóm 4 tìm hiểu bài, thảo luận và thực hiện.- Các nhóm trình bày, các nhóm khác phản biện.- 9 giờ tối.- 6 giờ sáng- Lắng nghe- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Học sinh nối tiếp nhau nêu kết quả.\**Dự kiến KQ chia sẻ:*- Các bạn đến trường sớm hơn.- Các bạn đến trường muộn giờ.- Các bạn đến trường đúng giờ.- Các bạn ở tranh 1 đến trường sớm giờ, sớm 30 phút.- Các bạn ở tranh 2 đến trường muộn giờ, muộn 15 phút.- Các bạn ở tranh 3 đến trường đúng giờ.  |
| **5’** | **Củng cố:****\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức mới học.**\* Phương pháp: Thảo luận nhóm.****\* Vui học:** - Khi sửa bài, GV chấp nhận các cách giải thích khác nhau:**\*Chẳng hạn:** Tổng độ dài dài đoạn thẳng CD và EB bằng độ dài đoạn thẳng АН.- Tổng độ dài đoạn thẳng AC và DE bằng độ dài đoạn thẳng HB.https://f14.photo.talk.zdn.vn/866701706603414446/1abdb66a6dd79a89c3c6.jpg- Vậy hai quãng đường màu đỏ và xanh dài bằng nhau.**\* Đất nước em:**- GV giới thiệu để đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Hà Nội, thường người ta đi bằng xe ô tô, tàu hoả (khoảng hơn 1 ngày), đi bằng máy bay (chỉ mất 2 giờ do máy bay bay rất nhanh và không ngừng dọc đường).- GV giới thiệu đôi nét về Phú Quốc.- HS tìm vị trí Thủ đô Hà Nội và đảo Phú Quốc trên bản đồ.- GV nhận xét.- GV nhận xét tiết học. | - Nhóm 4 HS tìm hiểu, nhận biệt hai đường đi màu đỏ và xanh, so sánh độ đài hai quãng đường.- HS lắng nghe.- HS thực hiện |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |